

## DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1    Cán bộ coi thi 2    G.Viên chấm thi 1    G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22830801] - Thực tập điện tử nâng  
cao (CCQ2306A)

CBGD: Đặng Văn Tín (280038)

Số SV có mặt: 16..

Số bài thi: 16..

Số tờ giấy thi: 16..

| STT | Mã SV                 | Họ và Tên                   | Ngày sinh  | Mã lớp     | Số Tờ<br>Mã Đề | Chữ ký SV      | Đ.QT<br>(40%) | Đ.Thi<br>(60%) | Điểm<br>HP |
|-----|-----------------------|-----------------------------|------------|------------|----------------|----------------|---------------|----------------|------------|
| 1   | <del>2123060180</del> | <del>Huỳnh Tuấn</del> An    | 23/08/2005 | CCQ2306A   |                |                |               |                |            |
| 2   | 2123060211            | Nguyễn Thị Ngọc             | Ánh        | 16/12/2005 | CCQ2306A       | <u>Ánh</u>     | 6,0           | 5,2            | 5,52       |
| 3   | 2123060105            | Nguyễn Hữu                  | Bách       | 17/10/2005 | CCQ2306A       | <u>Bách</u>    | 6,0           | 5,1            | 5,46       |
| 4   | <del>2123060183</del> | <del>Võ Thái</del> Bình     | 02/01/2005 | CCQ2306A   |                |                |               |                |            |
| 5   | 2123060025            | Hoàng Ngọc                  | Bộ         | 29/11/2005 | CCQ2306A       | <u>Bộ</u>      | 6,0           | 4,1            | 4,86       |
| 6   | 2123060038            | Tân Ngọc Thanh              | Châu       | 29/07/2005 | CCQ2306A       | <u>Chau</u>    | 5,0           | 3,9            | 4,34       |
| 7   | 2123060096            | Nguyễn Quốc                 | Chiến      | 28/01/2004 | CCQ2306A       | <u>Chi</u>     | 6,0           | 5,3            | 5,58       |
| 8   | 2123060012            | Nguyễn Văn                  | Công       | 03/12/2005 | CCQ2306A       | <u>Công</u>    | 6,0           | 5,4            | 5,64       |
| 9   | 2123060050            | Cao Thành                   | Danh       | 23/11/2005 | CCQ2306A       | <u>Danh</u>    | 5,0           | 4,5            | 4,7        |
| 10  | 2123060113            | Nguyễn Tấn                  | Đạt        | 23/06/2005 | CCQ2306A       | <u>Đạt</u>     | 5,0           | 3,6            | 4,16       |
| 11  | 2123060119            | Huỳnh Văn                   | Đức        | 07/03/2005 | CCQ2306A       | <u>Đức</u>     | 6,0           | 4,5            | 5,1        |
| 12  | <del>2123060108</del> | <del>Võ Trần Đông</del> Duy | 11/06/2005 | CCQ2306A   |                |                |               |                |            |
| 13  | 2123060193            | Đặng Cao                    | Hiếu       | 22/09/2004 | CCQ2306A       | <u>Hiếu</u>    | 5,0           | 3,5            | 4,10       |
| 14  | 2123060224            | Phạm Việt                   | Hoàng      | 27/12/2005 | CCQ2306A       | <u>Hoàng</u>   | 6,0           | 5,3            | 5,58       |
| 15  | 2123060208            | Thái Nhật                   | Hoàng      | 09/07/2005 | CCQ2306A       | <u>Thái</u>    | 5,0           | 3,7            | 4,22       |
| 16  | 2123060182            | Nguyễn Văn                  | Hùng       | 27/12/2002 | CCQ2306A       | <u>Hùng</u>    | 5,0           | 5,3            | 5,18       |
| 17  | 2123060173            | Hoàng Lưu Tấn               | Huy        | 04/04/2005 | CCQ2306A       | <u>Huy</u>     | 7,0           | 6,1            | 6,46       |
| 18  | <del>2123060076</del> | <del>Nguyễn Đức</del> Huy   | 09/12/2005 | CCQ2306A   |                |                |               |                |            |
| 19  | 2123060127            | Đặng Anh                    | Khoa       | 15/08/2004 | CCQ2306A       | <u>Khoa</u>    | 7,0           | 6,2            | 6,52       |
| 20  | 2121060044            | Thập Vũ                     | Trường     | 13/01/2002 | CCQ2106B       | <u>Thập Vũ</u> | 7,0           | 6,5            | 6,7        |